

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị số 22 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Co.op Rạch Giá về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Rạch Giá” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-STNMT ngày 09 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Co.op Rạch Giá, địa chỉ tại khu Trung tâm Thương mại tổng hợp 16ha, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Rạch Giá” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Siêu thị Co.opmart Rạch Giá.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu Trung tâm Thương mại tổng hợp 16ha, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 1701642215, cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 01 năm 2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.



1.4. Mã số thuế: 1701642215.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: buôn bán và kinh doanh các sản phẩm gia dụng, thực phẩm, linh kiện điện tử, viễn thông và nhiều mặt hàng khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được triển khai thực hiện tại khu Trung tâm Thương mại tổng hợp 16ha, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô: Tổng diện tích 6.872m², công suất phục vụ tối đa 3.000 khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Co.op Rạch Giá.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Co.op Rạch Giá có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 12.. tháng ..9.. năm 2022 đến ngày 12.. tháng ..9... năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *Thư*

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH TM Sài Gòn Co.op Rạch Giá;
- UBND thành phố Rạch Giá;
- LĐVP, P.KT, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, ptduy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KQ. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2284 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung của đường Lê Hoàn từ đó dẫn ra hệ thống thống nước trên đường Nguyễn Thượng Hiền, sau đó thoát ra vùng biển ven bờ tại vị trí Cửa sông Kiên đoạn giáp biển.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống cống thoát nước chung của đường Lê Hoàn tại Khu Trung tâm Thương mại tổng hợp 16ha, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

TT	Ký hiệu	Vị trí xả nước thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104°30' múi chiều 3 ⁰)	
			X	Y
1	VT	Điểm tiếp nhận tại hệ thống thoát nước chung	1106907	563369

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày.đêm; 2,08 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K =1. Cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	--	5 – 9	06 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	
3	TSS	mg/L	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4.0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20	
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

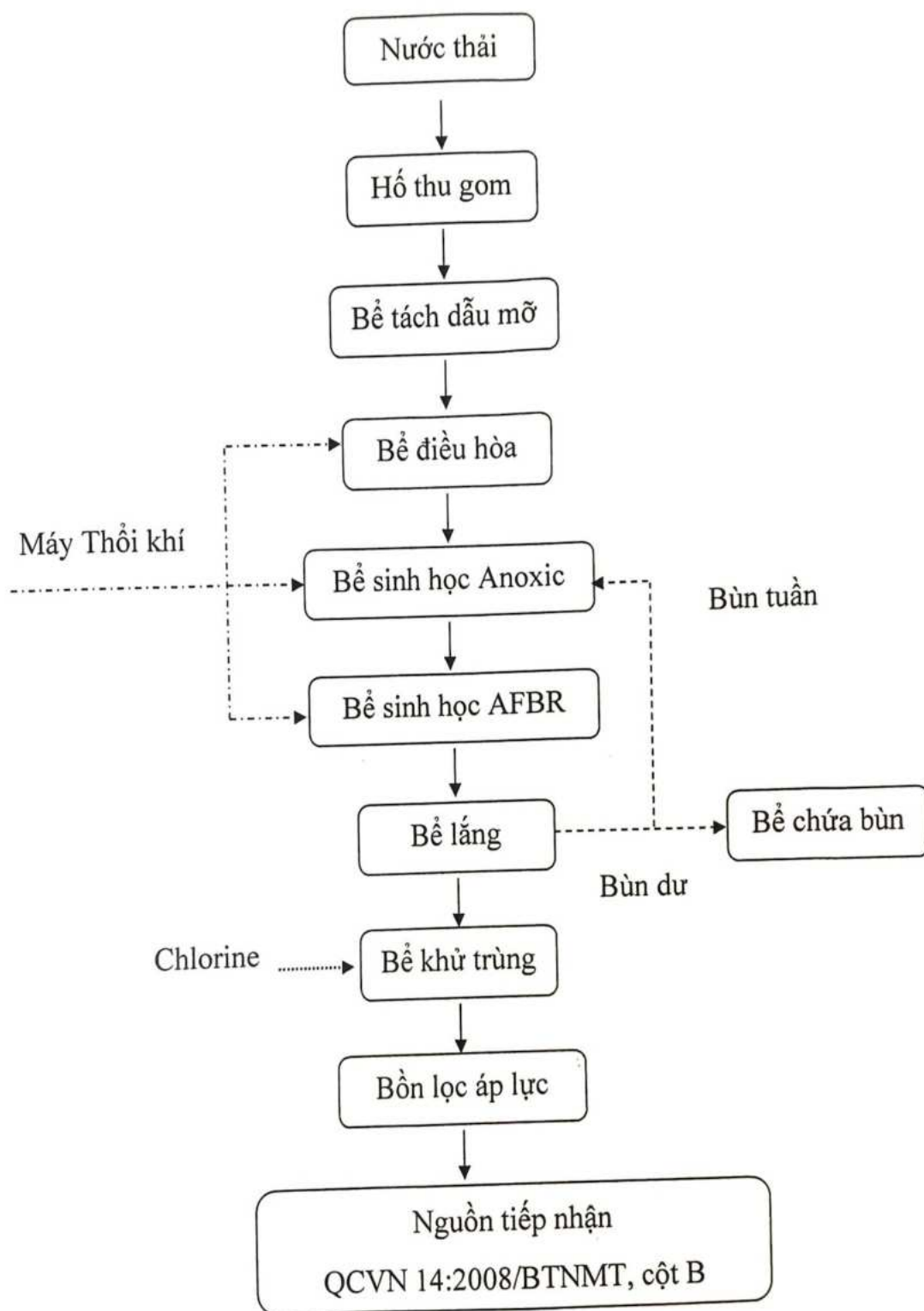
- Đối với nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và bồn rửa tay của siêu thị được thu gom bằng ống PVC Ø200mm vào bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được đấu nối với đường ống thu gom nước thải (PVC Ø200mm và PVC Ø300mm) nằm âm bên dưới lối đi nội bộ và chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đối với nước khu vực sơ chế và chế biến thức ăn: được đưa qua bể tách mỡ sơ cấp để loại bỏ thịt vụn và một phần mỡ kích thước lớn. Sau đó, được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø200mm và PVC Ø300mm dẫn vào bể tách mỡ thứ cấp để loại bỏ váng dầu mỡ trong nước thải. Nước thải sau bể lắng thứ cấp sẽ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sẽ được bơm ra hệ thống thoát nước chung của đường Lê Hoàn từ đó dẫn ra hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Thượng Hiền, sau đó thoát ra vùng biển ven bờ tại vị trí Cửa sông Kiên đoạn giáp biển.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine khử trùng nước thải với khối lượng 5,0 - 8,0 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

* Biện pháp phòng ngừa:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý.

* Biện pháp xử lý:

- Tạm dừng các hệ thống xử lý chất thải để khắc phục sự cố, báo ngay cho bộ phận chuyên môn công ty để kịp thời hướng dẫn xử lý sự cố.
- Thực hiện các hành động xử lý tạm thời, cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm.
- Khi hệ vi sinh bị chết hay bị sốc tải phải báo cho đơn vị lắp đặt hệ thống để kịp thời hướng dẫn xử lý sự cố hoặc đến tận nơi để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án.
 - Đảm bảo nước thải sau khi xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.
-

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2284/GPMT-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khoảng 71 kg/năm, gồm: bóng đèn, pin, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, linh kiện điện tử thải, ...

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn của siêu thị chủ yếu từ các nguồn: rác thải sinh hoạt của nhân viên và khách đến siêu thị; các loại bao bì hàng hóa. Khối lượng phát sinh khoảng 345kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thiết bị lưu chứa chất thải phải đảm bảo các quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 5,12 m² (1,6m x 3,2m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được xây dựng tường bao quanh, nền xi măng, có cửa đóng kín, có mái che kín nắng, mưa.

- Kho chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng rác được bố trí ở những khu vực thuận tiện để thu gom rác như dọc theo sân đường, khu phục vụ ăn uống, sảnh siêu thị, ...

Số lượng thùng rác bố trí như sau:



Vị trí	Loại thùng (lít)
Cửa chính siêu thị	30
Cửa hông siêu thị	20
Khu ẩm thực	20
	20 (thùng đựng cặn)
Sân đường phía sau siêu thị	20
Khu rau củ quả	20
Khu chứa chất thải sinh hoạt	240
Khu tập kết	660

- Để tạo ý thức phân loại rác tại nguồn, cơ sở bố trí 02 loại thùng chứa rác thải sinh hoạt, bao gồm: thùng chứa chất thải rắn có thể tái chế (chai nhựa, chai thủy tinh, bìa các tông, vỏ đồ hộp kim loại) và thùng chứa chất thải rắn khác (thức ăn thừa, rau, thịt, củ, quả ...).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: 3 m² (1,5m x 2m).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực tập kết rác được xây dựng tường bao quanh, nền xi măng, có mái che để hạn chế nước mưa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.